

Số: 01 /GCN-SXD-KT&VLXD Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2025

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế B.R do đại diện Công ty nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố (Giấy tiếp nhận hồ sơ số H29.18-250122-0005 ngày 12/02/2025, bổ sung ngày 17/3/2025); Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 17/3/2025 đính kèm Công văn số 92/CV-TK ngày 17/3/2025 của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế B.R;

Xét Biên bản đánh giá thực tế ngày 27/02/2025 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh và báo cáo ngày 18/3/2025 của chuyên gia sau khi xem xét hồ sơ khắc phục của doanh nghiệp (văn bản đến Sở Xây dựng ngày 18/3/2025);

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế B.R.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303257967 đăng ký lần đầu ngày 19/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 01/7/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.



Địa chỉ: Số 73 đường số 10, Khu nhà ở Nam Long, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.3773 8620

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm địa kỹ thuật.**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 73 đường số 10, Khu nhà ở Nam Long, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD: **LAS-XD 58.039**¹ (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP).

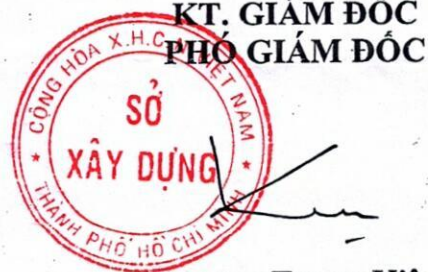
3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

4. Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế B.F
- Bộ Xây dựng (để báo cáo);
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Văn phòng Sở (đăng tải website);
- Lưu VT, KT&VLXD/NTD, Huy.

H29.18-250122-0005 ngày
12/02/2025, bổ sung ngày 17/3/2025.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**
Trương Trung Kiên

¹ Chuyển đổi từ LAS-XD 664 theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 88/GCN-BXD ngày 13/4/2023 của Bộ Xây dựng.



**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 58.039**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số **01** /GCN-SXD-KT&VLXD ngày **24** / **3** /2025 của Sở Xây dựng)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm (*)
I. THÍ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM		
1.	Xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012; AASHTO T 100-15 (2019); ASTM D854-23
2.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012; AASHTO T 265-15 (2019); ASTM D2216-19
3.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; TCVN 14134-4:2024; AASHTO T 89-13 (2021); AASHTO T 90-20; ASTM D4318-17e1
4.	Phương pháp phân tích thành phần hạt	TCVN 4198:2014; TCVN 14134-3:2024; TCVN 14135-4&5:2024; AASHTO T 88-20; AASHTO T 27-20; ASTM D7928-21e1
5.	Xác định sức chống cắt trong phòng thí nghiệm ở máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995; ASTM D3080/D3080M-23; AASHTO T 236-08 (2018)
6.	Xác định tính nén lún và nén cố kết của đất	TCVN 4200:2012; AASHTO T 216-07 (2020); ASTM D2435/D2435M-11; ASTM D4186/D4186M-20e2
7.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn, đầm nén proctor trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; AASHTO T 180-20; AASHTO T 99-19; ASTM D698-12(2021); ASTM D1557-12(2021)
8.	Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D7263-21
9.	Phương pháp xác định tỉ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020; AASHTO T 193-13 (2021); ASTM D1883-21
10.	Thí nghiệm xác định sức kháng cắt không cố kết – không thoát nước và cố kết – thoát nước của đất dính trên thiết bị nén 3 trục (UU;CU;CD)	TCVN 8868:2011; ASTM D2850-24; ASTM D4767-11(2020); ASTM D7181-20
11.	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông của đất dính	TCVN 9438:2012; AASHTO T 208-15 (2023); ASTM D2166/D2166M-24
12.	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012



13.	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012; AASHTO T 258-81 (2022); ASTM D4546-21
14.	Xác định các đặc trưng co ngót của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8720:2012
15.	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8721:2012
16.	Xác định đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:2012
17.	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8724:2012
18.	Xác định môđun đàn hồi của đất nền trong phòng	TCCS 38:2022 (phụ lục B.4)
19.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất bằng phương pháp lò nung	AASHTO T 267-86; AASHTO T 194-97 (2018); ASTM D2974-20e1
20.	Xác định tổng hàm lượng và hàm lượng các ion thành phần muối hòa tan của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8727:2012
21.	Xác định sức kháng nén của mẫu đất – xi măng	TCVN 9403:2012; TCVN 9906:2014; ASTM D2166/D2166M-24
II. THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
22.	Xác định khối lượng thể tích của đất, độ chặt đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đài	TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; TCVN 12791:2020; ASTM D2937-24
23.	Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; AASHTO T 191-14 (2022); ASTM D1556/D1556M-24
24.	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cân đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011; AASHTO T 256-01 (2020)
25.	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; AASHTO T 221-90 (2021)
26.	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
27.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012; AASHTO T 206-19
28.	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường cho đất dính (FVST)	TCVN 10184:2021; AASHTO T 223-96 (2021)
29.	Đo mực nước ngầm và áp lực nước lỗ rỗng	TCVN 8869:2011
30.	Xác định môđun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012

Ghi chú (*): Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.